

KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRỰC TUYẾN RA SAO?

PHƯƠNG PHÁP ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG TRONG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN

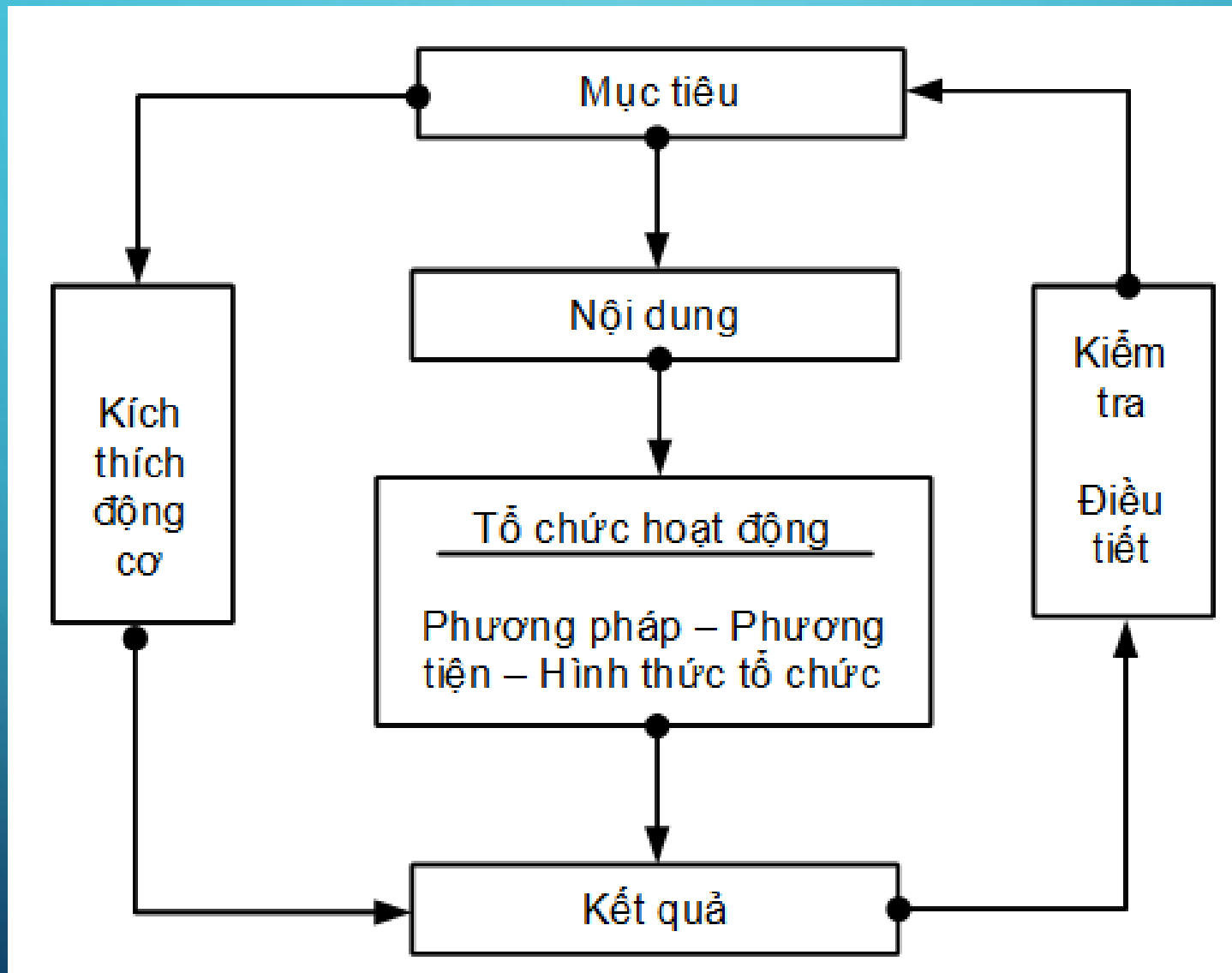
2



Tác giả: Nguyễn Tấn Đại <nguyentandai.vn>, 2012-2020. Giấy phép bản quyền: [Creative Commons Attribution-NonCommercial-ShareAlike 3.0 Unported License](https://creativecommons.org/licenses/by-nc-sa/3.0/)



KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TRONG QUY TRÌNH DẠY HỌC



(Nguồn: Nguyễn An và cs., 1993)



THÁP NĂNG LỰC NHẬN THỨC (BLOOM, 1956)



(Nguồn: Krathwohl, 2002)



CHỨC NĂNG CỦA HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ

- **Chức năng chẩn đoán:** xác định trình độ xuất phát của người học, tức những kiến thức và kỹ năng mà người học đã lĩnh hội được trước khi bắt đầu tiến trình học tập.
- **Chức năng điều tiết:** giúp xác định mức độ tiến bộ của người học qua từng bước, từng chặng trong tiến trình học tập, và nếu có vấn đề sẽ có biện pháp điều chỉnh thích hợp nhằm đạt đến mục tiêu học tập sau cùng.
- **Chức năng tổng kết:** giúp đánh giá và xác nhận năng lực mà người học đạt được sau khi kết thúc tiến trình học tập.

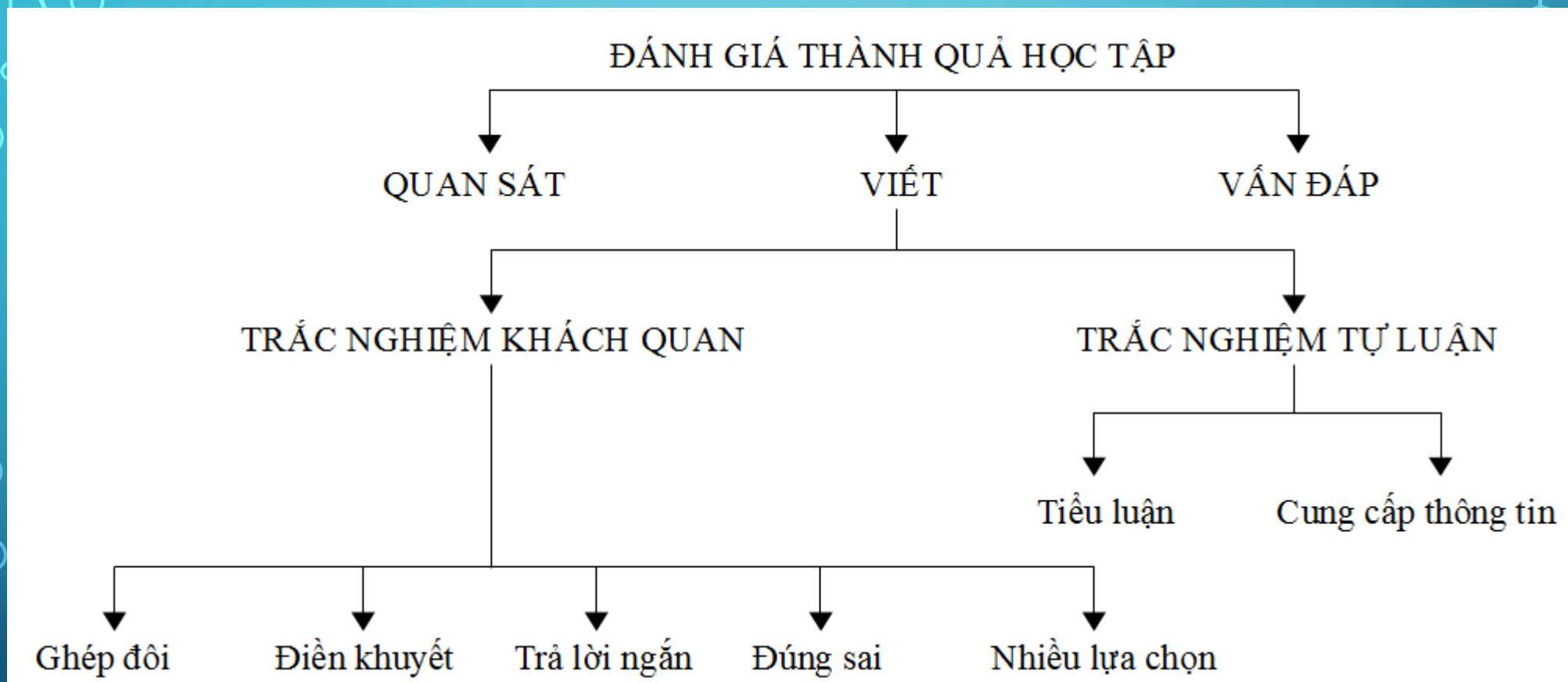


CÁC KIỂU ĐÁNH GIÁ

- **Đánh giá chẩn đoán** (*diagnostic assessment*): thường thực hiện ở đầu khoá học, nhằm phân loại người học, chọn nội dung, phương pháp, hoặc chia nhóm người học ứng với các mức trình độ khác nhau.
- **Đánh giá tiến trình** (*formative assessment*): thường cá biệt hoá theo từng cá nhân hay từng nhóm nhỏ, được áp dụng liên tục trong suốt các hoạt động dạy và học nhằm giúp người học dần dần đạt được các mục tiêu chuyên biệt qua từng phần của khoá học, cho phép dự đoán khả năng thành công ở cuối khoá học.
- **Đánh giá tổng kết** (*summative assessment*): thực hiện ở cuối khoá học nhằm kiểm tra xem kiến thức và kĩ năng tích lũy được của người học có đạt một ngưỡng cho phép để được công nhận là thành công hay không, đồng thời là một cơ sở quan trọng để tổng kết và định hướng khoá học sau khi kết thúc.



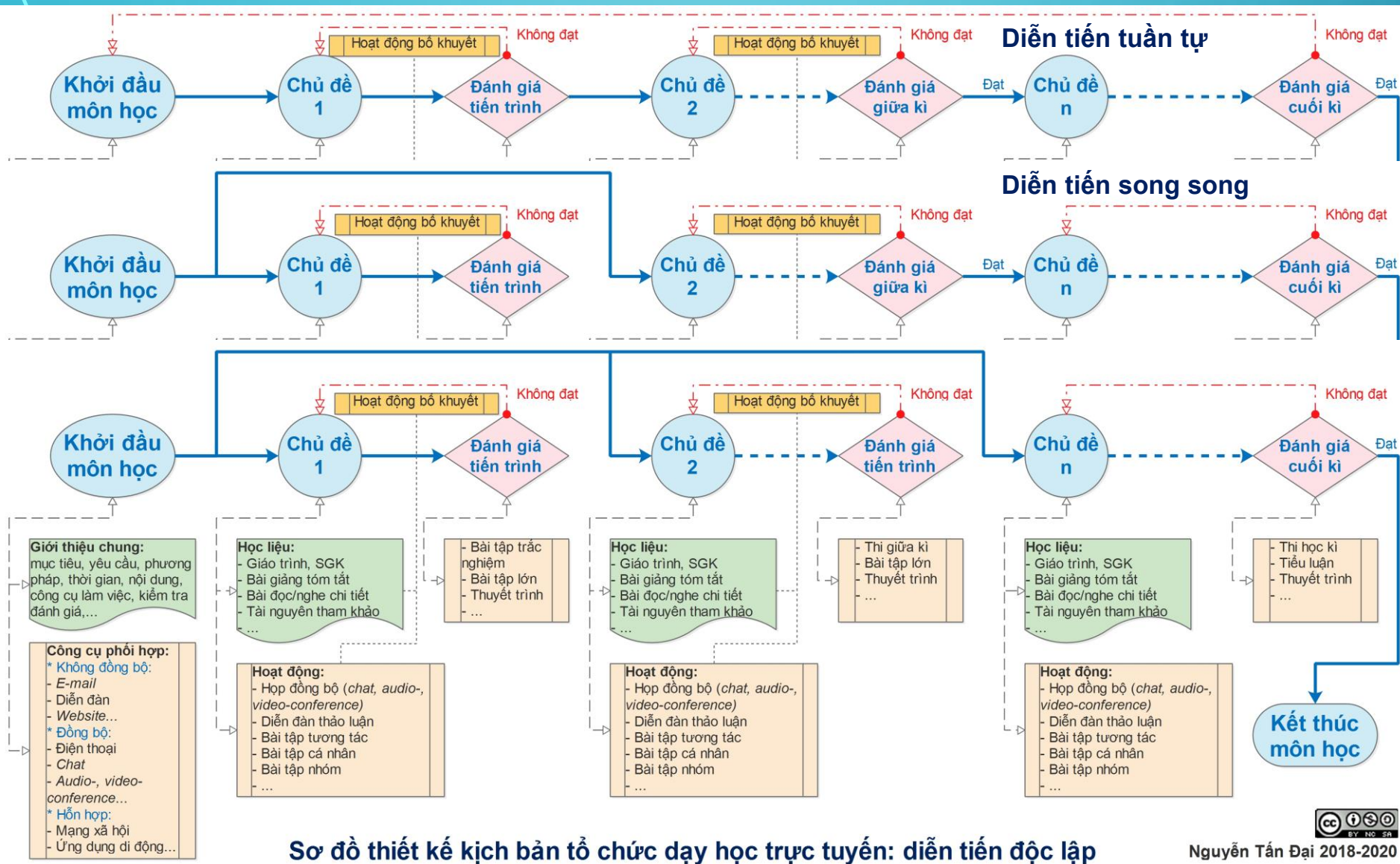
CÁC PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ



(Nguồn: Lâm Quang Thiệp, 2008)



HỌẠT ĐỘNG KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TRỰC TUYẾN



Sơ đồ thiết kế kịch bản tổ chức dạy học trực tuyến: diễn tiến độc lập

Nguyễn Tấn Đại 2018-2020

SO SÁNH GIỮA HAI PHƯƠNG PHÁP TRẮC NGHIỆM VÀ TỰ LUẬN

Yêu cầu	Ưu thế thuộc về phương pháp	
	Trắc nghiệm	Tự luận
Ít tốn công ra đề thi		✓
Đánh giá được khả năng diễn đạt, đặc biệt là diễn đạt tư duy hình tượng		✓
Thuận lợi cho việc đo lường các tư duy sáng tạo		✓
Đề thi phủ kín nội dung môn học	✓	
Ít may rủi do trùng tủ, trật tủ	✓	
Ít tốn công chấm thi	✓	
Khách quan trong chấm thi, hạn chế tiêu cực trong chấm thi	✓	
Giữ bí mật đề thi, hạn chế quay cóp khi thi	✓	
Có tính định lượng cao, áp dụng được công nghệ đo lường trong việc phân tích xử lý để nâng cao chất lượng các câu hỏi và đề thi	✓	
Cung cấp số liệu chính xác và ổn định để sử dụng cho các đánh giá so sánh trong giáo dục	✓	

(Nguồn: Lâm Quang Thiệp, 2008)



YÊU CẦU ĐỐI VỚI CÁC DẠNG CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM PHỔ BIẾN

Câu hỏi nhiều lựa chọn

- Các phương án sai phải có vẻ hợp lí
- Chỉ nên dùng 4-5 phương án trả lời
- Tránh dùng câu phủ định
- Đảm bảo liên mạch giữa câu dẫn và các phương án trả lời
- Các phương án trả lời tương đương nhau so với câu dẫn
- Xáo trộn ngẫu nhiên các phương án trả lời

Câu hỏi đúng sai

- Câu phát biểu hoàn toàn đúng hoặc hoàn toàn sai
- Câu trả lời thật đơn giản
- Tránh dùng câu phủ định

Câu hỏi ghép đôi

- Hướng dẫn rõ ràng yêu cầu ghép đôi
- Các dòng trên mỗi cột tương đương nhau
- Tránh dùng câu phủ định
- Số cặp ghép không nên quá nhiều, chỉ từ 5 đến 10

Câu hỏi điền khuyết

- Mỗi ô trống ứng với một từ đơn nhất
- Cung cấp đủ thông tin để chọn từ trả lời

(Nguồn: Lâm Quang Thiệp, 2008)



PHÂN PHỐI NHỊ THỨC BERNOULLI

$$P_n(k) = C_n^k \times P^k \times (1 - p)^{n-k}$$

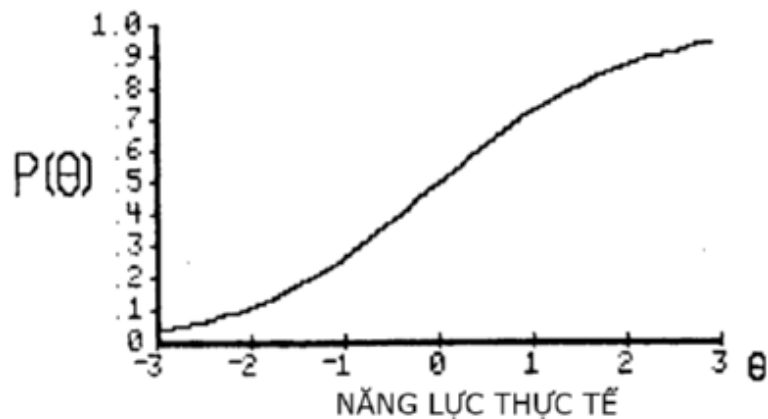
n = số câu hỏi; x = số phương án trả lời/câu hỏi; ; p = xác suất trả lời đúng 1 câu; k = số câu trả lời đúng

- Tỷ lệ làm bài đạt (tổng điểm từ 4,75/10 trở lên) một cách ngẫu nhiên

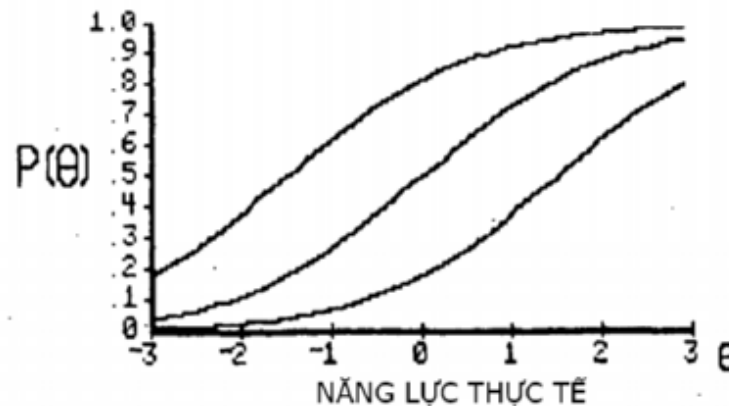
Số câu hỏi trong đề kiểm tra/thi	1 phương án đúng trong 4 phương án	1 phương án đúng trong 5 phương án
Đề 20 câu hỏi	13.864 phần triệu	2.595 phần triệu
Đề 30 câu hỏi	2.750 phần triệu	231 phần triệu
Đề 40 câu hỏi	1.708 phần triệu	85 phần triệu
Đề 50 câu hỏi	366 phần triệu	8 phần triệu
Đề 60 câu hỏi	80 phần triệu	0,8 phần triệu



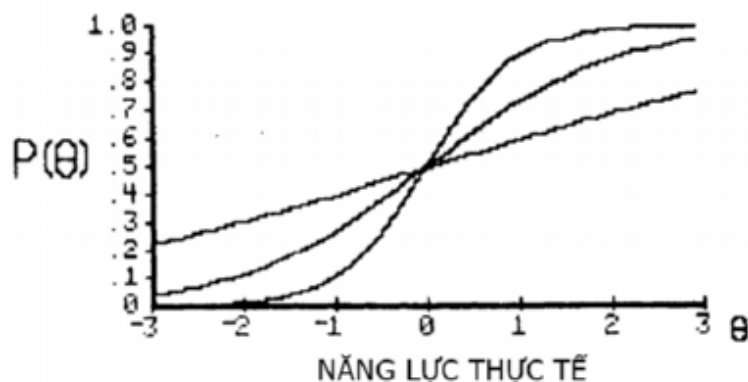
ĐẶC TRƯNG CỦA CẦU HỎI TRẮC NGHIỆM



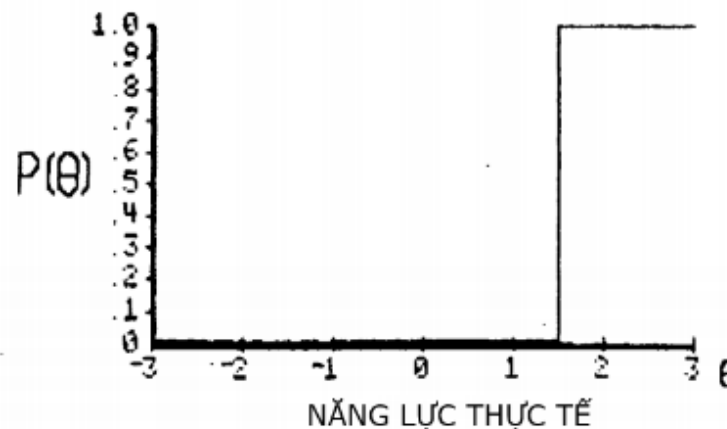
A. Đường cong đặc trưng của câu hỏi trắc nghiệm



B. Đường cong đặc trưng các câu hỏi trắc nghiệm có độ khó khác nhau



C. Đường cong đặc trưng các câu hỏi trắc nghiệm cùng độ khó nhưng có độ phân biệt khác nhau

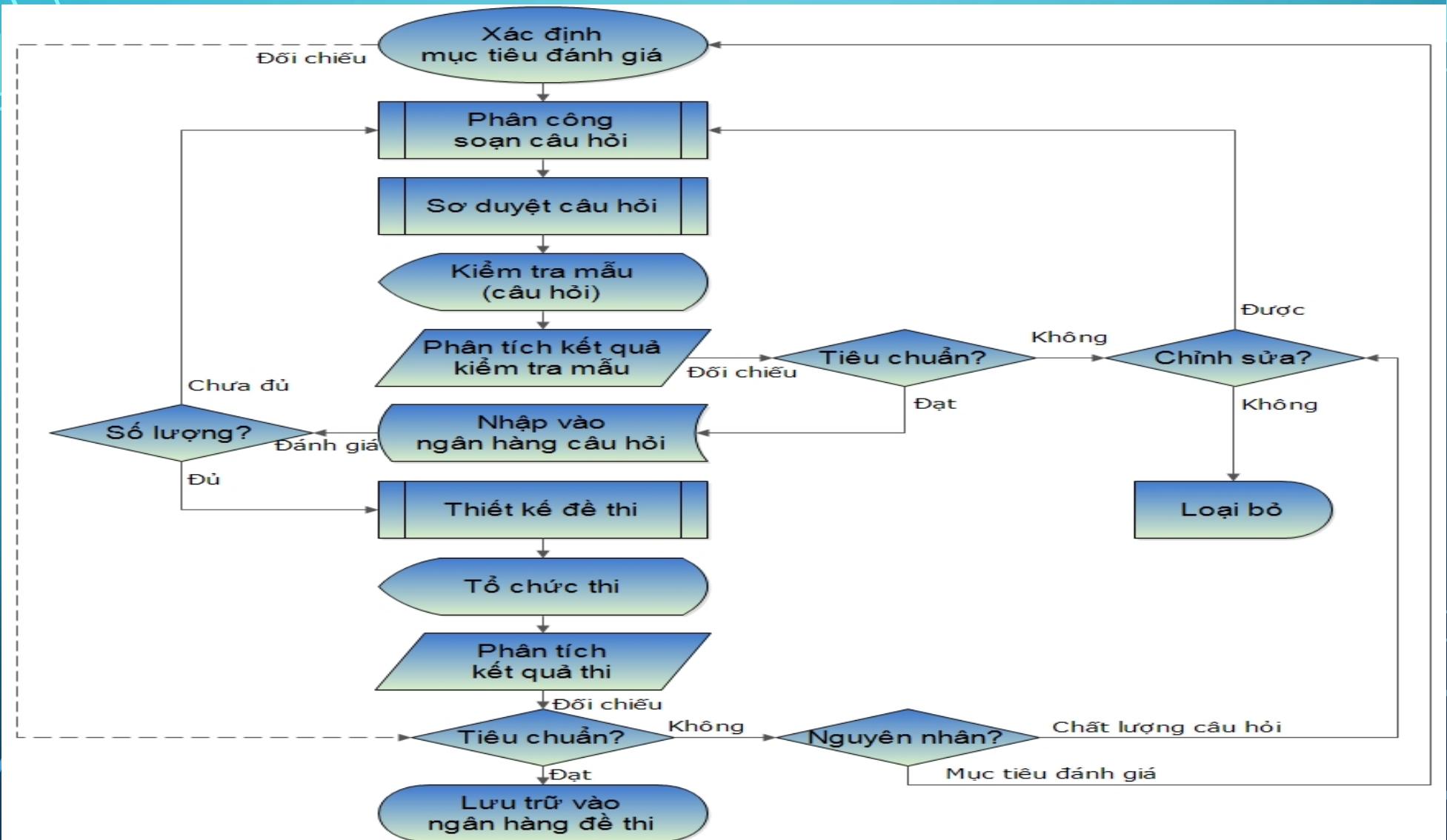


D. Đường cong đặc trưng của câu hỏi trắc nghiệm có độ phân biệt hoàn hảo

(Nguồn: Baker, 2001)



QUY TRÌNH XÂY DỰNG NGÂN HÀNG CÂU HỎI VÀ ĐỀ THI TRẮC NGHIỆM



Tổng hợp theo Hambleton & Jones (1993), Bertrand & Blais (2004), Lâm Quang Thiệp (2008)



MA TRẬN XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA TRẮC NGHIỆM

Nội dung	Yêu cầu	Hiểu đúng khái niệm	Tính toán	Lập luận	Tổng cộng
Giới hạn		5	3	2	10
Vi phân		3	8	3	14
Tích phân		5	8	3	16
Hàm nhiều biến		6	5	8	19
Phương trình vi phân		6	8	10	24
Phương trình đạo hàm riêng		5	6	6	17
	Tổng cộng	30	38	32	100

(Nguồn: Lâm Quang Thiệp, 2008)



THƯ MỤC

- **Nguyễn An, Bùi Kim Phượng, Nguyễn Thị Bích Hạnh, Ngô Đình Qua. 1993.** *Lí luận dạy học*. TP. HCM: Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, 146 tr.
- **Baker FB. 2001.** *The basics of item response theory*. 2^e ed. College Park, MD, USA: ERIC Clearinghouse on Assessment and Evaluation, 186 p.
- **Beetham H, Sharpe R (Eds). 2013.** *Rethinking pedagogy for a digital age: Designing for 21st century learning*. New York, NY, USA: Routledge. 349 p.
- **Bertrand R, Blais JG. 2004.** *Modèles de mesure : L'apport de la théorie des réponses aux items*. Québec, Canada: Presses de l'Université du Québec, 389 p.
- **Blais, J-G (Ed). 2009.** *Évaluation des apprentissages et technologies de l'information et de la communication: Enjeux, applications et modeles de mesure*. Laval, Québec, Canada: Presses de l'Université Laval. 309 p.
- **Hambleton RK, Jones RW. 1993.** An NCME instructional module on comparison of classical test theory and item response theory and their ppplications to test development. *Educational Measurement: Issues and Practice*, 12(3): 38-47.
- **Huang R, Spector JM, Yan J. 2019.** *Educational technology: A primer for the 21st century*. Singapore: Springer. 248 p.
- **Krathwohl DR. 2002.** A revision of Bloom's taxonomy: An overview. *Theory Into Practice*, 41(4): 212-218.
- **Talbot L. 2009.** *L'évaluation formative : Comment évaluer pour remédier aux difficultés d'apprentissage*. Paris, France: Armand Colin, 192 p.
- **Lâm Quang Thiệp. 2008.** *Trắc nghiệm và ứng dụng*. Hà Nội: Khoa học và Kỹ thuật, 214 tr.
- **Williams DD, Howell SL, Hricko M (Eds). 2006.** *Online assessment, measurement and evaluation: Emerging practices*. Hershey, PA, USA: Information Science Publishing. 343 p.

